CỤM NBHL
LẦN THI CHUNG THỨ HAI

Mã đề: 101

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT
Năm học 2019 - 2020
MÔN: Địa lí
Thời gian làm bài: 50 phút
(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm, 04 trang)

Câu 41: Ở nhiều nơi của vùng biển phía Nam nước ta, hoạt động du lịch biển diễn ra được trong suốt cả năm, chủ yếu là nhờ
A. nền nhiệt cao quanh năm.
B. sinh vật phong phú, đa dạng.
C. gió mùa thổi trong năm.
D. địa hình ven biển đa dạng.

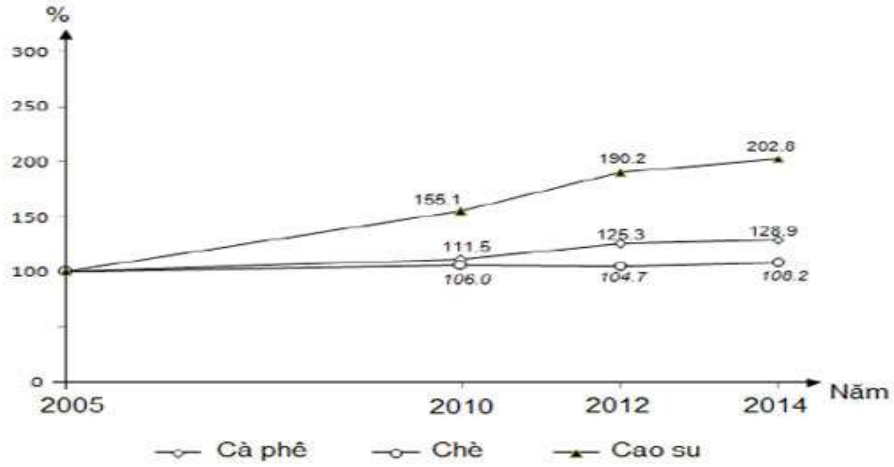
Câu 42: Khó khăn đối với việc mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. dân cư thưa thớt, thiếu lao động, trình độ lao động còn nhiều hạn chế.
B. địa hình núi cao hiểm trở khó canh tác, thiếu nước về mùa đông.
C. tình trạng rét đậm, rét hại, sương muối và thiếu nước về mùa đông.
D. đất đai thường xuyên bị rửa trôi, xói mòn, lũ quét, lũ ống.

Câu 43: Ngành giao thông vận tải đường sông nước ta có tốc độ phát triển còn chậm là do
A. sự thất thường về chế độ nước theo mùa.
B. sự thay đổi thất thường về luồng lạch.
C. phương tiện vận tải đường sông hạn chế.
D. nguồn hàng cho vận tải đường sông ít.

Câu 44: Cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét chủ yếu là do
A. hình thành các vùng lúa thâm canh.
B. đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ.
C. thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
D. phát triển nuôi trồng thủy sản.

Câu 45: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết sông Cả đổ ra biển qua cửa nào sau đây?
A. Cửa Tùng.
B. Cửa Nhượng.
C. Cửa Gianh.
D. Cửa Hội.

Câu 46: Cho biểu đồ:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?
A. Cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
B. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
C. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.
D. Quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

Câu 47: Mùa mưa ở miền Trung đến muộn hơn so với cả nước do tác động của
A. bão đến tương đối muộn so với miền Bắc.
B. gió phơn Tây Nam khô nóng vào đầu mùa hạ.
C. các dãy núi đâm ngang ra biển.
D. frông lạnh vào thu - đông.

Câu 48: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh thành nào sau đây **không** giáp biển Đông?
A. Nam Định.
B. Bắc Cạn.
C. Ninh Bình.
D. Quảng Ngãi.

Câu 49: Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu của Đông Nam Bộ cần
A. khai thác tối đa nguồn dầu mỏ của vùng. **B.** phát triển kinh tế biển.
C. thu hút mạnh nguồn lao động có trình độ. **D.** đẩy mạnh đầu tư vốn, công nghệ.

Câu 50: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất lớn nhất?
A. Việt Trì. **B.** Phúc Yên. **C.** Hải Phòng. **D.** Hà Nội.

Câu 51: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích *(nghìn ha)*	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng *(nghìn tấn)*	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?
A. Miền. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Tròn.

Câu 52: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây có lễ hội truyền thống?
A. Bát Tràng. **B.** Vạn Phúc. **C.** Yên Tử. **D.** Tân Trào.

Câu 53: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết ngành nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2007?
A. Lâm nghiệp. **B.** Thủy sản. **C.** Lâm nghiệp và thủy sản. **D.** Nông nghiệp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây **không** thuộc ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Chân Mây - Lăng Cô. **B.** Vân Phong. **C.** Nhơn Hội. **D.** Dung Quất.

Câu 55: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Nghệ An. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Quảng Trị. **D.** Quảng Bình.

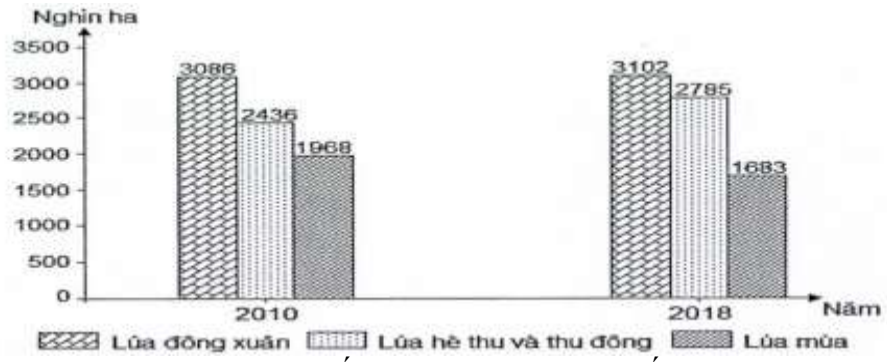
Câu 56: Dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí chủ yếu do tác động của
A. các nhân tố về xã hội, cơ cấu nền kinh tế. **B.** vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, tài nguyên.
C. quá trình định cư, trình độ dân trí, số dân. **D.** sự phát triển kinh tế, các nhân tố tự nhiên.

Câu 57: Mặc dù nước ta có 3/4 diện tích lãnh thổ là đồi núi, nhưng tính chất nhiệt đới vẫn được bảo toàn, nguyên nhân là do
A. phần lớn địa hình nước ta là đồi núi thấp. **B.** chịu tác động của gió mùa Tây Nam.
C. địa hình phân hóa đa dạng theo độ cao. **D.** chịu tác động của Tín phong bán cầu Bắc

Câu 58: Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết các cánh cung ở nước ta xếp theo thứ tự từ Tây sang Đông lần lượt là
A. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều. **B.** Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm.
C. Bắc Sơn, Ngân Sơn, Đông Triều, Sông Gâm. **D.** Ngân Sơn, Bắc Sơn, Sông Gâm, Đông Chiều.

Câu 59: Cho biểu đồ:

Diện tích lúa các mùa vụ của nước ta năm 2010 và năm 2018



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.
B. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.
C. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.
D. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.

Câu 60: Nghề làm muối các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ phát triển mạnh là do
A. nền nhiệt cao, nhiều cửa sông đổ ra biển.
B. nhiệt độ cao, ít cửa sông lớn đổ ra biển.
C. nền nhiệt thấp, nhiều cửa sông đổ ra biển.
D. nắng nhiều, nền nhiệt thấp, ít sông lớn.

Câu 61: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc nên
A. nền nhiệt độ cao, cán cân bức xạ quanh năm dương.
B. khí hậu phân hóa thành hai mùa mưa khô rõ rệt.
C. có nhiều tài nguyên khoáng sản và sinh vật quý giá.
D. có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt theo độ cao địa hình.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

Diện tích và dân số của một số tỉnh năm 2018

Tỉnh	Thái Bình	Phú Yên	Kon Tum	Đồng Tháp
Diện tích *(km^2)*	1586	5023	9674	3384
Dân số *(nghìn người)*	1793	910	535	1693

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các tỉnh năm 2018?
A. Thái Bình thấp hơn Phú Yên.
B. Kon Tum thấp hơn Phú Yên.
C. Kon Tum cao hơn Đồng Tháp.
D. Đồng Tháp cao hơn Thái Bình.

Câu 63: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị dưới đây?
A. Thanh Hóa. **B.** Nha Trang. **C.** Quy Nhơn. **D.** Đà Nẵng.

Câu 64: Năng suất lao động trong ngành đánh bắt thủy sản nước ta còn thấp do
A. người dân thiếu kinh nghiệm đánh bắt.
B. nguồn lợi cá đang bị suy giảm.
C. phương tiện đánh bắt còn lạc hậu, chậm đổi mới.
D. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.

Câu 65: Biểu hiện của quá trình xâm thực vùng núi đá vôi nước ta là
A. hang động, suối cạn, thung khô.
B. địa hình bị cắt xẻ, đất bị xói mòn.
C. đất trượt, đá lở, lũ ống, lũ quét.
D. các đồi thấp xen thung lũng rộng.

Câu 66: Đâu **không** phải là biện pháp bảo vệ tài nguyên đất ở miền núi?
A. Trồng cây theo băng.
B. Làm ruộng bậc thang
C. Đào hố vẩy cá
D. Chống nhiễm phèn, nhiễm mặn.

Câu 67: Đặc điểm nào **không** đúng với đô thị hóa ở nước ta?
A. Phân bố đô thị không đều giữa các vùng.
B. Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.
C. Tỉ lệ dân thành thị tăng.
D. Trình độ đô thị hóa rất thấp.

Câu 68: Đâu **không** phải là phân ngành của công nghiệp năng lượng?
A. Thủy điện. **B.** Dầu khí. **C.** Cơ khí. **D.** Than.

Câu 69: Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước ta nhờ
A. điều kiện khí hậu ổn định.
B. nhiều ngư trường trọng điểm.
C. nhiều bãi triều, diện tích mặt nước lớn.
D. vùng biển rộng, thềm lục địa nông.

Câu 70: Biện pháp hợp lí để khai thác hiệu quả tài nguyên sinh vật biển ở nước ta là
A. cấm không được khai thác gần bờ để bảo vệ nguồn thuỷ hải sản.
B. tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ, phát triển đánh bắt xa bờ.
C. chỉ sử dụng phương tiện đánh bắt có tính chất huỷ diệt ở xa bờ.
D. đóng cửa các bãi tắm biển để nuôi trồng thuỷ, hải sản.

Câu 71: Đặc điểm nào sau đây **không** phải của vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Phần lớn diện tích là đồng bằng, đồi núi phân bố chủ yếu ở phía đông.
B. Dân số đông, nguồn lao động dồi dào, có trình độ thâm canh cao.

C. Là vùng trọng điểm thứ hai của cả nước về lương thực, thực phẩm.
D. Có một mùa đông lạnh do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 72: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đai ôn đới gió mùa trên núi do
A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông nhiệt độ hạ thấp.
B. ở gần khu vực ngoại chí tuyến có cả khí hậu cận nhiệt và ôn đới.
C. có những núi trên 2600m tập trung nhiều ở dãy Hoàng Liên Sơn.
D. có các loài động, thực vật ôn đới từ phía Bắc di lưu và di cư đến.

Câu 73: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết khu vực nào của nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão?
A. Nam Trung Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Bắc Trung Bộ.

Câu 74: Hoạt động ngoại thương của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do
A. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
B. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
C. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
D. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lí của Nhà nước.

Câu 75: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?
A. Máy móc, thiết bị, phụ tùng.
B. Nguyên, nhiên, vật liệu.
C. Thủy sản.
D. Hàng tiêu dùng.

Câu 76: Tiềm năng to lớn của Tây Nguyên để phát triển cây công nghiệp lâu năm là
A. nhiều sông suối và cánh rừng rộng.
B. nhiều cao nguyên và núi đồi thấp.
C. đất badan và khí hậu cận xích đạo.
D. hai mùa mưa khô và giống cây tốt.

Câu 77: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho sông ngòi nước ta có tổng lưu lượng nước lớn?
A. Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.
B. Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.
C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.
D. Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.

Câu 78: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết Đồng bằng sông Hồng **không** tiếp giáp với vùng nào sau đây?
A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
B. Vịnh Bắc Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Bắc Trung Bộ.

Câu 79: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào có chế độ nước chênh lệch giữa tháng lũ và tháng cạn lớn nhất?
A. Hệ thống sông Kì Cùng.
B. Hệ thống sông Mê Kông.
C. Hệ thống sông Hồng.
D. Hệ thống sông Đà Rằng.

Câu 80: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60%?
A. Nghệ An, Quảng Bình
B. Kon Tum, Lâm Đồng
C. Thanh Hóa, Quảng Bình
D. Tuyên Quang, Hà Giang

---------- HẾT ----------

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.